

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 12 năm 2017
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thành
2. Bà Đặng Thị Liễu

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Phương Thúy – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thúy Nga – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 229/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị TTP, sinh năm 1995, có mặt.

Nơi ĐKKHKT: thôn C, xã V, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc

Nơi ở hiện nay: thôn NK, xã NM, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Anh ĐVC, sinh năm 1989, có mặt.

Nơi cư trú: thôn C, xã V, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 23 tháng 11 năm 2017 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị TTP trình bày:

Chị và anh ĐVC kết hôn với nhau ngày 27 tháng 8 năm 2012, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã V. Tổ chức kết hôn xong chị và anh C về chung sống cùng với gia đình anh C tại xã V. Quá trình vợ chồng chung sống ngay từ thời gian đầu tình cảm vợ chồng đã không hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh C không chịu khó làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình và đánh đập chị. Đến ngày tháng 8/2016 chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm với anh C không còn, chị xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu ĐTT, sinh ngày 06/9/2012; ĐMH, sinh ngày 18/11/2014; ĐLT, sinh ngày 28/11/2016. Hiện nay cháu T và cháu H đang sống cùng anh C, cháu Th đang sống cùng chị. Ly hôn, chị xin được nuôi cháu H và cháu Th, để cho anh C nuôi cháu T và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay chị sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn NK, xã NM, huyện N. Chị làm công nhân cho Công ty giày da N, với thu nhập trung bình khoảng từ 3 triệu đến 4 triệu đồng/01 tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh ĐVC tại biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa trình bày: Anh xác nhận thời gian kết hôn, thời gian chung sống, thời gian sống ly thân như chị Phương trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cãi chửi nhau, chị P trình bày anh đánh đập chị là không đúng. Anh C cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị P trình bày là đúng. Hiện nay cháu T và cháu H đang sống cùng anh, cháu Th đang sống cùng chị P. Ly hôn, anh xin được giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay anh đang ở cùng bố mẹ đẻ tại thôn C, xã V. Anh làm nghề phụ hồ, với thu nhập trung bình khoảng 3.000.000đ/01 tháng. Ngoài ra anh còn tham gia làm kinh tế, chăn nuôi, làm ruộng cùng với bố mẹ đẻ. Quá trình từ khi sinh các cháu T, H thì các cháu luôn sống cùng anh và gia đình, do anh và bố mẹ anh

chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu H đã quen sống với gia đình anh nên anh đề nghị Tòa án không thay đổi môi trường sống của cháu.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có gì, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Các bên đề nghị giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ, đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; đề nghị giải quyết cho chị P và anh C được ly hôn; về con chung giao cho chị Phương trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, anh C nuôi cháu T và cháu H, hai bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau; các vấn đề về tài sản, công nợ, công sức các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị P và anh C là cuộc hôn nhân tiên bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng kết hôn và đã có thời gian ngắn chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên trong cuộc sống hằng ngày vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân các bên không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh cãi chửi nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều xác nhận không còn tình cảm với nhau và thỏa thuận xin được ly hôn. Xét mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, việc các đương sự thỏa thuận xin ly hôn là phù hợp với thực tế và pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu T, sinh ngày 06/9/2012; H, sinh ngày 18/11/2014; Th, sinh ngày 28/11/2016. Hiện nay cháu T và cháu H đang sống cùng anh C, cháu Th đang sống cùng chị P. Ly hôn chị P muốn được nuôi cháu Th và cháu H, anh C cũng muốn nuôi cháu T và cháu H, cả hai bên không yêu cầu phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau.

Xét điều kiện của cả anh C và chị P đều có thể đảm bảo để có thể nuôi hai con chung. Hiện chị P đi làm công nhân, có thu nhập khoảng 4 triệu đồng /01 tháng, chị sống cùng bố mẹ đẻ tại xã NM, huyện N nên về cơ bản sẽ có người chăm sóc, đỡ đần nuôi con cho chị khi chị đi làm hàng ngày.

Anh C hiện làm lao động tự do và tham gia sản xuất nông nghiệp, sống cùng với bố mẹ đẻ tại xã V, huyện N. Anh cũng được bố mẹ đẻ giúp đỡ trong việc chăm sóc, nuôi dạy đưa đón con đi học.

Các cháu T, H từ khi sinh ra đến nay luôn sống cùng anh C và gia đình, được anh và ông bà nội chăm sóc, nuôi dạy từ bé. Bản thân chị P khi vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cũng không nuôi dưỡng và chăm sóc cháu H. Do vậy, để cháu H có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường không nhất thiết phải giao cháu cho chị P nuôi dưỡng, cần giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay cũng đủ để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự và đảm bảo được quyền lợi mọi mặt của cháu. Việc anh C không yêu cầu chị P phải đóng góp nuôi con chung cùng là tự nguyện, không trái pháp luật nên cũng được chấp nhận.

3. Về phân chia tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các bên đương sự xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị TTP và anh ĐVC.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu cháu ĐTT, sinh ngày 06/9/2012 và cháu ĐMH, sinh ngày 18/11/2014 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là cháu ĐLTh, sinh ngày 28/11/2016 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh C và chị P không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau. Sau khi ly hôn, anh C và chị P có quyền thăm nom con chung theo quy định, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị TTP phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0001316 ngày 25/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện N.
- THADS huyện N.
- UBND xã V.
- Các đ-ơng sự.
- L- u hai bản.

Đỗ Thành Công